

# KỶ VỌNG TÍCH CỰC CHO TUẦN CHỐT NAV CUỐI NĂM?

## GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

### TTCK thế giới

Chỉ số chứng khoán toàn cầu khép lại tuần tăng thứ 8 liên tiếp nhờ kỳ vọng lãi suất sẽ giảm sớm và giảm nhiều trong năm 2024. Các thị trường lớn như: Mỹ, Châu Âu, Nhật bản, Hàn Quốc, Đài loan, Ấn Độ, ... sắp khép lại năm 2023 bằng một nốt thăng, trong khi chứng khoán Trung Quốc (chỉ số CSI 300) vẫn rất ảm đạm, trái ngược với kỳ vọng cao ngất ngưỡng của giới đầu tư hồi đầu năm.

### TTCK trong nước

Thị trường chứng khoán trong nước vừa có một tuần đi ngang dù tăng 4 phiên liên tiếp, thanh khoản xuống mức thấp nhất kể từ tuần cuối tháng 5 vừa qua, tức thấp hơn cả tuần tạo đáy ngắn hạn ở ngưỡng 1.020 điểm. Khối ngoại tiếp tục chuỗi bán ròng 18 phiên liên tiếp trên sàn HOSE, tuy vậy cường độ bán ròng đang giảm dần từ mức 4.000 tỷ còn 2.682 tỷ ở tuần vừa qua.

Cho tuần tới: Trạng thái giằng co trên nền thanh khoản thấp khả năng còn tiếp diễn đối với thị trường trong nước dù nhà đầu tư đang kỳ vọng tuần chốt NAV thường có hiệu ứng tích cực. Đối với nhà đầu dài hạn, các nhịp điều chỉnh mạnh về vùng hỗ trợ ở đáy "hộp" vẫn là cơ hội mua cổ phiếu cho tháng 1/2024. Trong kịch bản tích cực, chỉ số Vn-Index có thể kết thúc năm 2023 ở vùng 1.108 – 1.112 điểm,

### Cơ hội đầu tư ngắn hạn

Chứng khoán, thủy sản, thực phẩm, BĐS KCN, đầu tư công, hóa chất, công nghệ, ... dòng tiền nhiều khả năng sẽ luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu này.

### Cơ hội đầu tư dài hạn

Chiến lược đầu tư – Lợi thế cạnh tranh

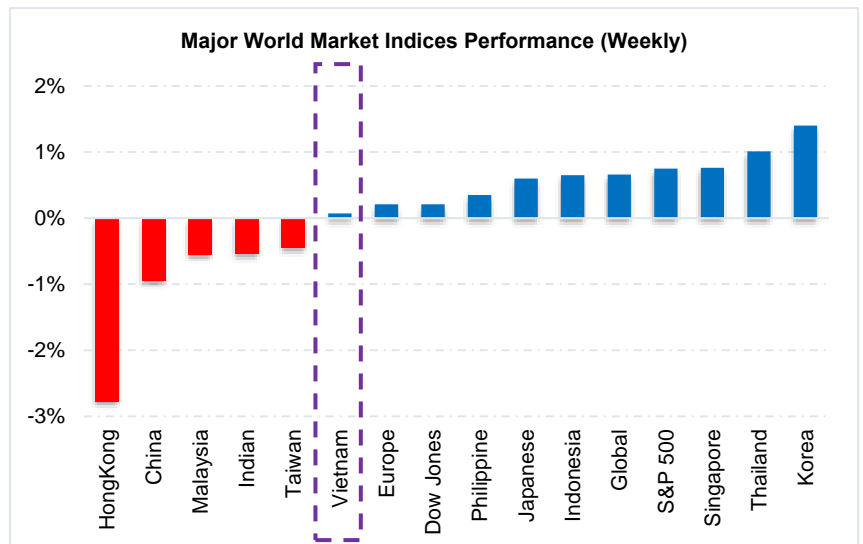
Chiến lược đầu tư – Hang tránh bão

Chiến lược đầu tư – BIS (Tài chính)

Chiến lược đầu tư – BSS (Ngân hàng, chứng khoán, thép)

## HIỆU SUẤT SINH LỜI

| Index         | Last      | 1 Week | 1 Month | YTD     | 1 Year  |
|---------------|-----------|--------|---------|---------|---------|
| Global        | 721.17    | 0.66%  | 4.19%   | 19.13%  | 19.05%  |
| Dow Jones     | 37,385.97 | 0.21%  | 5.64%   | 12.79%  | 12.60%  |
| S&P 500       | 4,754.63  | 0.75%  | 4.28%   | 23.83%  | 23.66%  |
| Europe        | 477.60    | 0.21%  | 3.83%   | 12.41%  | 11.73%  |
| Japanese      | 33,169.05 | 0.60%  | -1.36%  | 27.11%  | 26.43%  |
| Korea         | 2,599.51  | 1.40%  | 4.12%   | 16.24%  | 12.35%  |
| China         | 2,914.78  | -0.94% | -4.15%  | -5.65%  | -4.30%  |
| HongKong      | 16,326.00 | -2.78% | -7.02%  | -17.47% | -16.67% |
| Taiwan        | 17,596.63 | -0.44% | 1.79%   | 24.47%  | 23.30%  |
| Indian        | 71,106.96 | -0.53% | 7.79%   | 16.87%  | 18.82%  |
| Singapore     | 3,140.32  | 0.76%  | 1.47%   | -3.41%  | -3.60%  |
| Malaysia      | 1,454.38  | -0.55% | 0.03%   | -2.75%  | -1.38%  |
| Indonesia     | 7,237.52  | 0.65%  | 3.25%   | 5.65%   | 6.42%   |
| Thailand      | 1,405.09  | 1.01%  | 0.55%   | -15.80% | -13.13% |
| Philippine    | 6,501.00  | 0.35%  | 3.69%   | -1.00%  | -0.61%  |
| Vietnam       | 1,103.06  | 0.07%  | 0.68%   | 9.53%   | 8.11%   |
| Brent Oil     | 79.18     | 3.44%  | -1.74%  | -7.83%  | -6.30%  |
| Crude Oil WTI | 73.49     | 2.88%  | -2.71%  | -8.67%  | -7.37%  |
| Gold          | 2,064.50  | 1.41%  | 2.52%   | 13.05%  | 14.43%  |
| S&P 500 VIX   | 13.03     | 6.11%  | 4.57%   | -39.87% | -37.57% |
| Dollar Index  | 101.36    | -1.16% | -1.88%  | -1.85%  | -2.55%  |
| U.S. 10Y      | 3.90      | -0.35% | -12.78% | 0.58%   | 4.00%   |
| U.S. 2Y       | 4.33      | -2.70% | -12.63% | -2.23%  | 0.03%   |



Dữ liệu cập nhật ngày 22/12/2023

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số chứng khoán toàn cầu khép lại tuần tăng thứ 8 liên tiếp nhờ kỳ vọng lãi suất sẽ giảm sớm và giảm nhiều trong năm 2024. Các thị trường lớn như: Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, ... sắp khép lại năm 2023 bằng một nốt thăng, trong khi chứng khoán Trung Quốc (chỉ số CSI 300) vẫn rất âm ảm, trái ngược với kỳ vọng cao ngất ngưỡng của giới đầu tư hồi đầu năm.

**Chứng khoán Mỹ:** Cả ba chỉ số đều có tuần tăng thứ 8 liên tiếp, chuỗi tuần tăng dài nhất của S&P 500 kể từ năm 2017 và dài nhất của Dow Jones kể từ năm 2019. Cả tuần, S&P 500 tăng 0,8%; Dow Jones tăng 0,2%; và Nasdaq tăng 1,2%.

Xu hướng tăng điểm gần đây của chứng khoán Mỹ diễn ra trên diện rộng, trong bối cảnh lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm nhanh và các nhà giao dịch tăng cường đặt cược vào việc Fed giảm lãi suất. Từ chỗ lập đỉnh 16 năm trên 5% vào cuối tháng 10, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm hiện đã giảm về ngưỡng 3,9%.

Báo cáo được chờ đợi từ Bộ Thương mại Mỹ cho thấy thước đo lạm phát mà Fed ưa chuộng tăng ít hơn dự báo. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) lõi tăng chỉ 0,1% trong tháng 11 so với tháng trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong một cuộc khảo sát do hãng tin Dow Jones thực hiện trước đó, các nhà kinh tế học dự báo mức tăng 0,1% trong tháng và 3,3% cả năm. PCE toàn phần giảm 0,1% so với tháng trước, đánh dấu tháng giảm đầu tiên trong vòng 3 năm rưỡi.

Thị trường tài chính đang đặt cược khả năng 71,3% Fed sẽ giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp tháng 3 - theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME.

Ngày thứ Hai tuần tới, thị trường tài chính Mỹ, trong đó có chứng khoán, sẽ đóng cửa nghỉ lễ Giáng sinh.

**Chứng khoán Châu Âu:** Chỉ số Stoxx 600, đại diện cho cổ phiếu của 600 công ty có vốn hóa lớn, vừa và nhỏ tiêu biểu ở 17 nước châu Âu cũng có mức tăng 0,21% trong tuần vừa qua, ghi nhận tuần tăng thứ 6 liên tiếp, tính từ đầu năm chỉ số này đang có mức tăng 12,41%. Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cho biết, các ngân hàng khu vực đồng Euro phải chuẩn bị cho nguy cơ các nguồn vốn trở nên "biến động hơn" trong năm tới khi cảnh báo các ngân hàng không nên tự mãn trong bối cảnh rủi ro kinh tế và địa chính trị ngày càng gia tăng. Các nhà hoạch định chính sách của ECB đã giữ lãi suất ở mức 4% trong tháng 12, nhưng cắt giảm kỳ vọng về dự đoán lạm phát cho năm 2023 và 2024, một dấu hiệu cho thấy áp lực kinh tế có thể đang suy yếu. Tuy nhiên, xung đột Israel-Hamas và Nga-Ukraine đã che mờ triển vọng cho năm tới.

**Chứng khoán Châu Á:** Thị trường Hàn Quốc đang có chuỗi 8 tuần tăng liên tiếp, chỉ số Kospi đang có mức tăng 16,24% so với hồi đầu năm. Chứng khoán Nhật Bản cũng nối lại đà tăng khi hồi phục tuần thứ 2 liên tiếp, chỉ số Nikkei 225 đang có mức tăng 27,11% kể từ đầu năm. Trong khi đó, Chứng khoán Trung Quốc sắp khép lại năm 2023 bằng một nốt trầm, trái ngược với kỳ vọng cao ngất ngưỡng của giới đầu tư hồi đầu năm. Chỉ số CSI 300 ghi nhận 6 tuần giảm liên tiếp, đánh dấu chuỗi dài nhất kể từ tháng 1/2012. So với đầu năm, chỉ số chuẩn của Trung Quốc giảm gần 14%, tệ hơn phần lớn chỉ số trên toàn cầu. Nếu không có gì bất ngờ, chỉ số CSI 300 sẽ ghi nhận 3 năm giảm liên tiếp. Tình cảnh âm ảm của chứng khoán Trung Quốc diễn ra trong bối cảnh đà hồi phục kinh tế không như kỳ vọng và khủng hoảng bất động sản "đè nặng" tâm trí người tham gia thị trường.



**Thị trường chứng khoán trong nước vừa có một tuần đi ngang dù tăng 4 phiên liên tiếp, thanh khoản xuống mức thấp nhất kể từ tuần cuối tháng 5 vừa qua, tức thấp hơn cả tuần tạo đáy ngắn hạn ở ngưỡng 1.020 điểm. Khối ngoại tiếp tục chuỗi bán ròng 18 phiên liên tiếp trên sàn HOSE, tuy vậy cường độ bán ròng đang giảm dần từ mức 4.000 tỷ còn 2.682 tỷ ở tuần vừa qua.**

**Diễn biến:** Chốt tuần, chỉ số Vn-index nhích nhẹ 0,76 điểm, tương đương tăng 0,07%, đóng cửa ở 1.103,06 điểm, trong 8 tuần gần đây chỉ số này tăng 5 tuần và điểm số chỉ dao động quanh ngưỡng 1.100 điểm. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ cũng nổi lại đà tăng, trong đó: nhóm cổ phiếu vừa – vốn hóa trung bình (Midcap) có mức tăng mạnh nhất thị trường (+0,94%), đây cũng là tuần tăng thứ 7 trong 8 tuần vừa qua, bên cạnh đó nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) cũng có mức tăng +0,32%, ghi nhận tuần tăng thứ 6/8 tuần. Trong khi đó, nhóm Vn30 chỉ có một tuần đi ngang với tuần tăng thứ 5/8 tuần.

Mặc dù thị trường đi ngang nhưng việc hồi phục 4 phiên liên tiếp đã giúp độ rộng thị trường trở nên tích cực, mức tăng tập trung ở một số nhóm nổi bật như: Nhóm ô tô và phụ tùng (VEA: +3,33%, HHS: +4,62%, ...), Bán lẻ (PNJ: +5,8%, PET: +4,4%, MWG: +3,9%, ...), Viettel (VTP: +8,4%, CTR: +2,1%, ...). Đối với nhóm dịch vụ tài chính, trong khi nhóm chứng ghi nhận mức tăng trên diện rộng thì nhóm ngân hàng lại phân hóa mạnh mẽ: Chứng khoán (CTS: +3,15%, HCM: +2,86%, SSI: +1,73%, BSI: +2,43%, ...), Ngân hàng (BID: +2,29%, MBB: +1,39%, ACB: +1,98%, ... VCB: -1,58%, CTG: -0,94%, VPB: - 2,94%, ...).

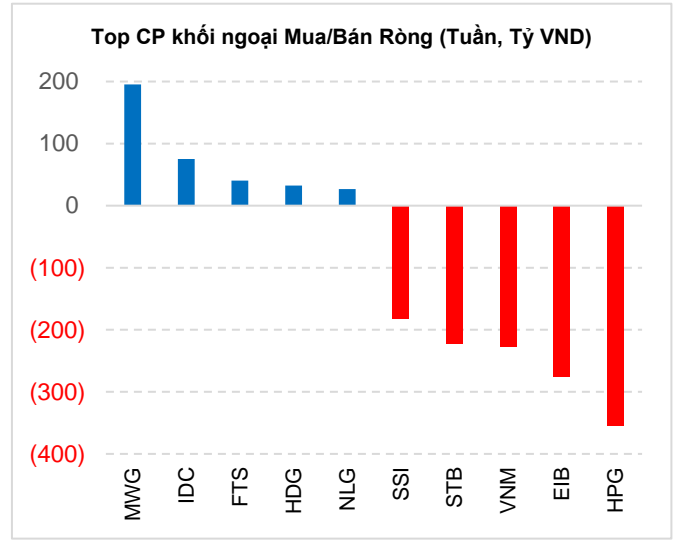
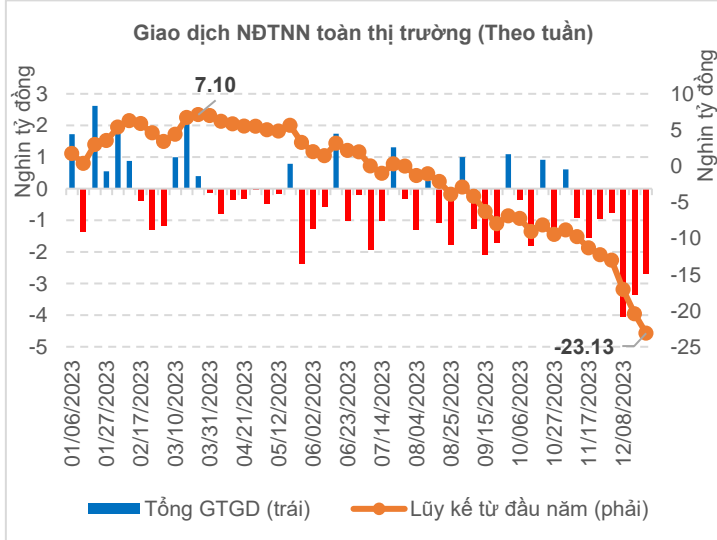
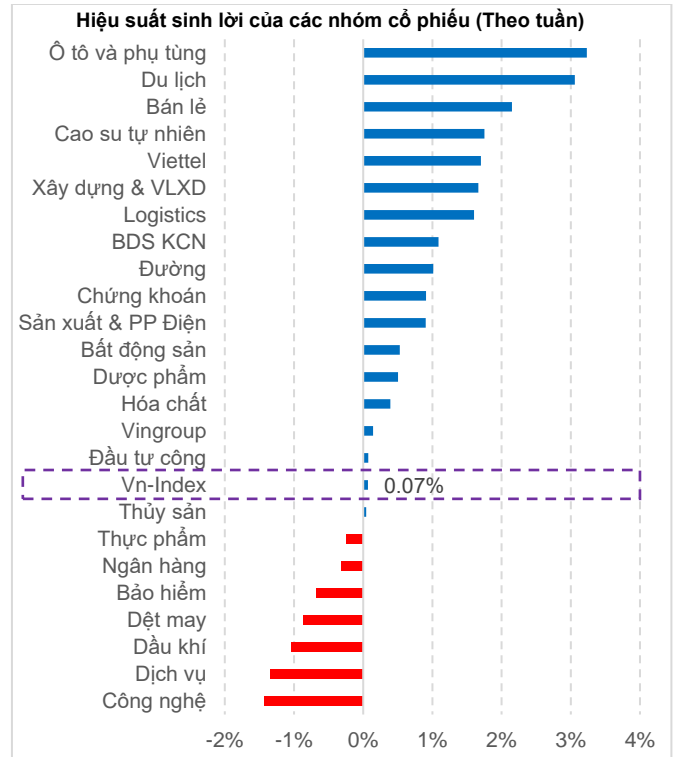
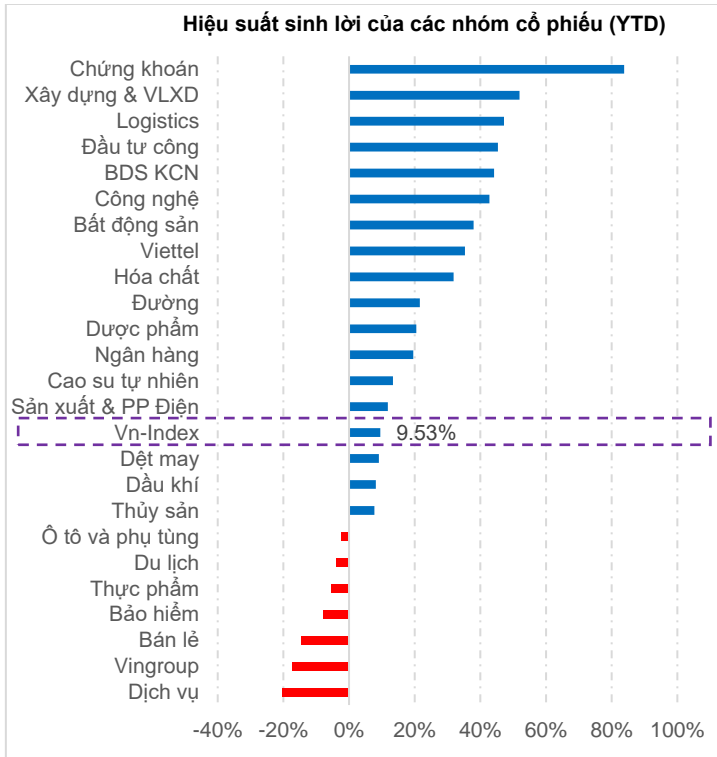
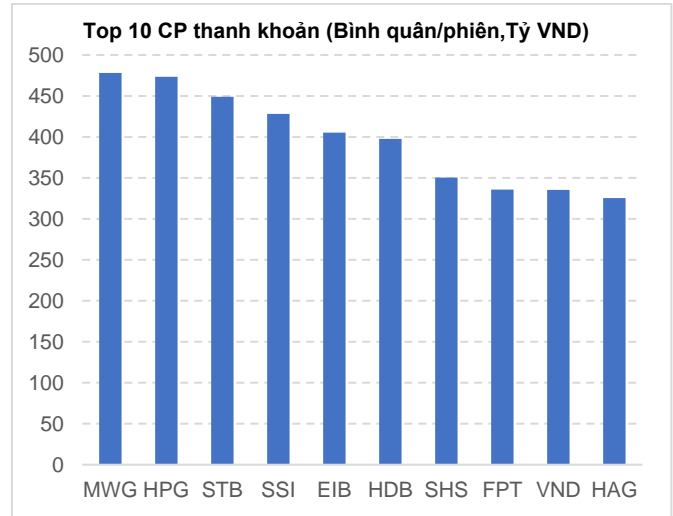
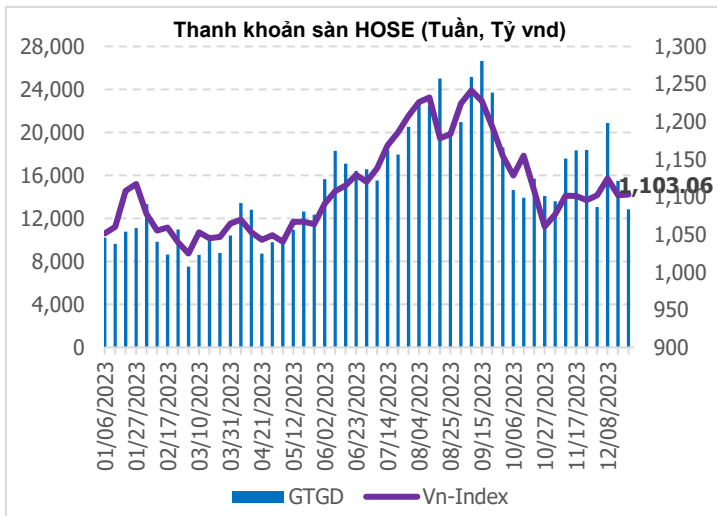
**Thanh khoản toàn thị trường** giảm 17% so với tuần trước, còn 14.727 tỷ đồng, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt 23% còn 11.683 tỷ đồng. Đây cũng là tuần có thanh khoản thấp nhất kể từ tuần cuối tháng 5 vừa qua, tức thanh khoản ở tuần vừa qua còn thấp hơn cả thanh khoản ở tuần tạo đáy ngắn hạn hồi đầu tháng 11 ở khu vực 1.020 điểm. Theo thống kê, thanh khoản tháng 12 thấp hơn 3,6% so với tháng 11 nhưng vẫn tăng 14,5% so với cùng kỳ, tuy vậy thanh khoản bình quân kể từ đầu quý 4 cho đến nay vẫn thấp hơn 25,6% so với mức bình quân ở quý 3. Thanh khoản bình quân kể từ đầu năm đạt 17.527 tỷ đồng, giảm 14,8% so với mức bình quân năm 2022.

**Khối ngoại** bán ròng 2.682 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 7 liên tiếp của khối ngoại trên toàn thị trường và là tuần bán ròng thứ 18 liên tiếp trên sàn HOSE. Tuy vậy, cường độ bán ròng đang có dấu hiệu giảm dần, tức mức 4.000 tỷ đồng cách đây 2 tuần, còn 2.682 tỷ ở tuần vừa qua. Lũy kế kể từ đầu năm khối ngoại bán ròng 23.130 tỷ đồng.

**Quan điểm thị trường tuần tới:** Thị trường bước vào tuần chốt NAV cuối năm 2023 trong bối cảnh thanh khoản xuống thấp hơn cả tuần tạo đáy ngắn hạn 1.020 điểm và khối ngoại đang duy trì chuỗi bán ròng mạnh. Ngày thứ Hai tuần tới, thị trường tài chính Mỹ, trong đó có chứng khoán, sẽ đóng cửa nghỉ lễ Giáng sinh. Mạch thông tin trong nước cũng tương đối bình lặng, Kỳ họp bất thường của Quốc hội khóa 15 dự kiến khai mạc vào 15/1/2024 và sẽ thảo luận về dự án luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi), Đất đai (sửa đổi); tuy nhiên, Thường trực Ủy ban Kinh tế đề nghị nghiên cứu trình Quốc hội xem xét, thông qua các Luật trên tại kỳ họp giữa năm 2024. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu chấn chỉnh hoạt động các công ty chứng khoán... Trạng thái giằng co trên nền thanh khoản thấp khả năng còn tiếp diễn đối với thị trường trong nước dù nhà đầu tư đang kỳ vọng tuần chốt NAV thường có hiệu ứng tích cực. Việc chậm chân trong nhịp phục hồi vừa qua có thể là bất lợi cho thị trường trong bối cảnh chứng khoán Mỹ đang ở đỉnh cao mọi thời đại, một nhịp điều chỉnh nhẹ sau chuỗi tăng 8 tuần liên tiếp có thể là rủi ro từ bên ngoài đối với thị trường trong nước. Về kỹ thuật, thị trường dao động trong “hộp” vẫn là trạng thái chủ đạo cho tuần chốt NAV, thanh khoản khả năng còn giảm khi dòng tiền cuối năm thường thận trọng, nhà đầu tư ngắn hạn cũng giảm vòng quay ít mạo hiểm hơn trong bối cảnh chỉ số Vn-index vẫn đang đi ngang, vẫn chưa lấy lại các ngưỡng kỹ thuật quan trọng như MA200, MA100, .... Đối với nhà đầu tư dài hạn, các nhịp điều chỉnh mạnh về vùng hỗ trợ ở đáy “hộp” vẫn là cơ hội mua cổ phiếu cho tháng 1/2024. Trong kịch bản tích cực, chỉ số Vn-Index có thể kết thúc năm 2023 ở vùng 1.108 – 1.112 điểm, dao động chủ đạo vẫn xoay quanh ngưỡng 1.100 điểm (MA50), do vậy các chiến lược đầu cơ hay lướt sóng ngắn hạn sẽ gia tăng lực bán ở khu vực biên trên (1.125 – 1.130 điểm) rồi mua lại ở biên dưới (1.075 – 1.080 điểm).



# Chiến lược giao dịch tuần



## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – LỢI THẾ CẠNH TRANH

### Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn.
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

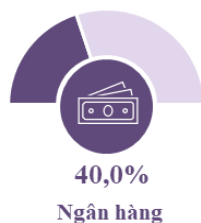
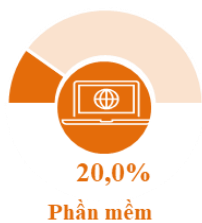
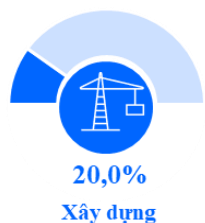
### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 22/12/2023):

|          |               |                |              |               |
|----------|---------------|----------------|--------------|---------------|
| Danh mục | <b>0,9%</b>   | <b>-1,1%</b>   | <b>33,6%</b> | <b>87,7%</b>  |
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return   | 3-year return |
| VN-Index | <b>0,1%</b>   | <b>-1,0%</b>   | <b>9,8%</b>  | <b>-3,5%</b>  |

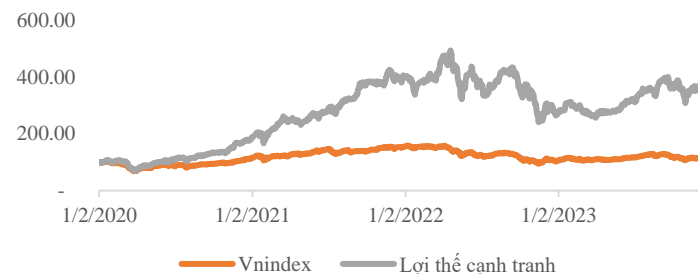
### Cấu thành danh mục

| Mã CK | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | EPS   | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | Nợ vay/TTS | Cổ tức tiền mặt | KLGD 6T    | P/E   | P/B  |
|-------|---------------------------|-------|--------------|--------------|------------|-----------------|------------|-------|------|
| CTR   | 33,2%                     | 3.941 | 27,1%        | 8,7%         | 11%        | 1.000           | 518.175    | 13,6x | 4,1x |
| DGW   | 72,9%                     | 5.279 | 29,4%        | 9,9%         | 36%        | 1.000           | 877.777    | 11,2x | 4,3x |
| FPT   | 13,7%                     | 4.799 | 20,6%        | 9,5%         | 33%        | 1.000           | 2.228.554  | 15,4x | 4,1x |
| MBB   | 44,0%                     | 3.876 | 21,9%        | 2,2%         | -          | 0               | 10.762.209 | 4,6x  | 1,1x |
| VCB   | 27,6%                     | 5.582 | 23,2%        | 1,6%         | -          | 0               | 1.189.441  | 13,2x | 2,7x |

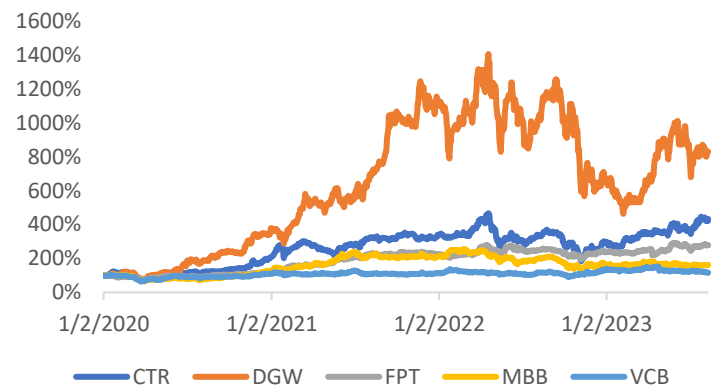
### Cơ cấu DM theo ngành



### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| CTR             | 10         | 10         | 20         | 20         | 20         |
| DGW             | 10         | 15         | 20         | 30         | 40         |
| FPT             | 10         | 15         | 20         | 20         | 20         |
| MBB             | 30         | 25         | 20         | 15         | 10         |
| VCB             | 35         | 35         | 20         | 15         | 10         |
|                 | <b>256</b> | <b>290</b> | <b>364</b> | <b>432</b> | <b>501</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – HANG TRÁNH BÃO

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận an toàn & ổn định trước rủi ro thị trường.
- Chiến lược đầu tư an toàn trước biến động từ thị trường.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp trong nhóm phòng thủ (bảo hiểm, điện, nước, tiêu dùng thiết yếu), có lịch sử chi trả cổ tức cao và đều, đi kèm với rủi ro biến động giá thấp.

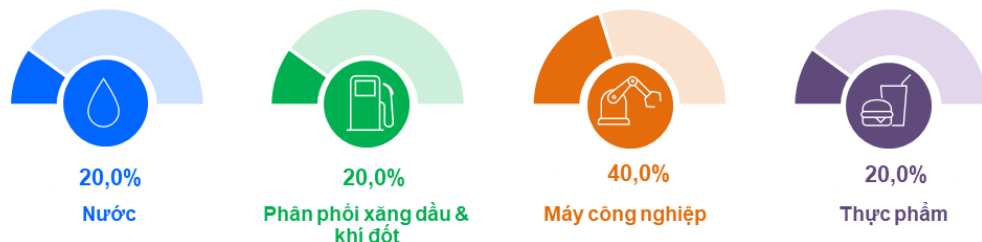
### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 22/12/2023):

|          |               |                |               |               |
|----------|---------------|----------------|---------------|---------------|
| Danh mục | <b>-1,2%</b>  | <b>-3,7%</b>   | <b>-18,7%</b> | <b>2,9%</b>   |
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return    | 3-year return |
| VN-Index | <b>0,1%</b>   | <b>-1,0%</b>   | <b>9,8%</b>   | <b>-3,5%</b>  |

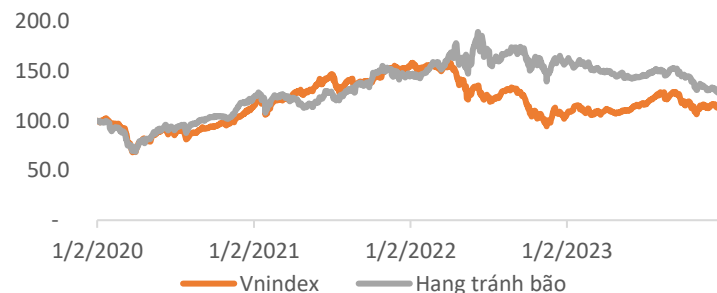
### Cấu thành danh mục

| Mã CK | Cổ tức tiền mặt | EPS   | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | Nợ vay/TTS | KLGD 6T   | P/E   | P/B  |
|-------|-----------------|-------|---------------------------|--------------|--------------|------------|-----------|-------|------|
| BWE   | 1.200           | 4.246 | 35,3%                     | 17%          | 6,5%         | 41%        | 267.050   | 10,4x | 2,0x |
| GAS   | 3.000           | 7.058 | 4,5%                      | 21%          | 15,7%        | 11%        | 789.627   | 15,6x | 3,7x |
| REE   | 1.000           | 7.773 | 49,6%                     | 16%          | 9,0%         | 35%        | 1.172.083 | 9,7x  | 1,8x |
| VEA   | 4.493           | 5.244 | 35,3%                     | 27%          | 24,0%        | 1%         | 193.594   | 7,6x  | 2,3x |
| VNM   | 1.500           | 4.232 | -2,9%                     | 34%          | 23,0%        | 19%        | 2.285.375 | 18,5x | 5,3x |

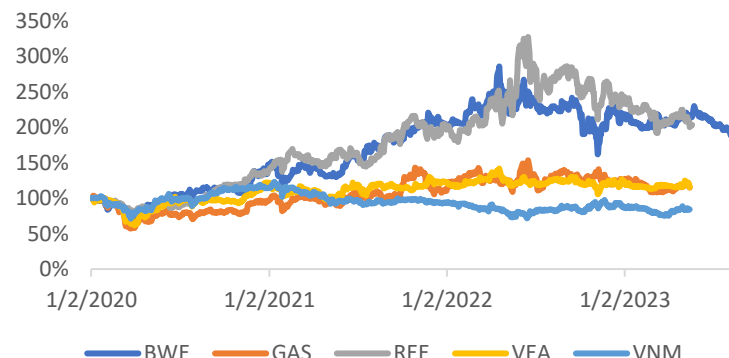
### Cơ cấu DM theo ngành



### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản |     |       |     |     |
|-----------------|----------|-----|-------|-----|-----|
|                 | KB1      | KB2 | Cơ sở | KB3 | KB4 |
| BWE             | 10       | 20  | 20    | 25  | 30  |
| GAS             | 15       | 20  | 20    | 20  | 15  |
| REE             | 15       | 15  | 20    | 30  | 35  |
| VEA             | 25       | 20  | 20    | 20  | 15  |
| VNM             | 35       | 30  | 20    | 5   | 5   |

|            |            |            |            |            |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>113</b> | <b>121</b> | <b>128</b> | <b>144</b> | <b>153</b> |
|------------|------------|------------|------------|------------|

Hiệu quả sinh lời của DM



## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BIS (TÀI CHÍNH)

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HĐ trong lĩnh vực tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán) có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 22/12/2023):

|          |               |                |              |               |
|----------|---------------|----------------|--------------|---------------|
| Danh mục | <b>-0,6%</b>  | <b>-2,2%</b>   | <b>26,8%</b> | <b>60,6%</b>  |
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return   | 3-year return |
| VN-Index | <b>0,1%</b>   | <b>-1,0%</b>   | <b>9,8%</b>  | <b>-3,5%</b>  |

### Cấu thành danh mục

| Mã CK | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | TB NIM 5 năm | TB CIR 5 năm | LLR     | NPL  | KLGD 6T    | P/B  |
|-------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|------|------------|------|
| BID   | 41,3%                     | 13,5%        | 0,6%         | 2,7%         | -33,9%       | -214,0% | 1,0% | 1.525.120  | 1,8x |
| BVH   | 3,5%                      | 7,7%         | 1,1%         | 0,0%         | -            | -       | -    | 1.363.746  | 1,7x |
| MBB   | 44,0%                     | 21,9%        | 2,2%         | 5,0%         | -38,0%       | -208,0% | 1,0% | 10.762.209 | 1,1x |
| VCB   | 27,6%                     | 23,2%        | 1,6%         | 3,1%         | -34,2%       | -402,0% | 1,0% | 1.189.441  | 2,7x |
| VND   | 43,5%                     | 19,5%        | 5,4%         | 0,0%         | -            | -       | -    | 19.408.929 | 1,0x |

### Cơ cấu DM theo ngành



**60,0%**  
Ngân hàng

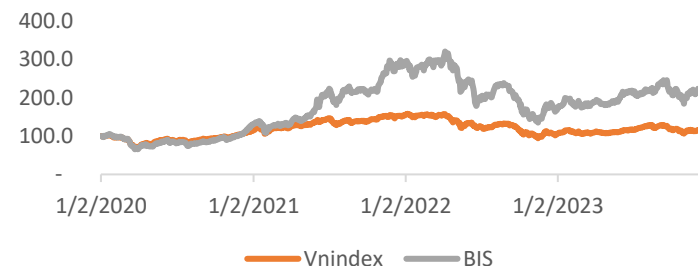


**20,0%**  
Bảo hiểm nhân thọ

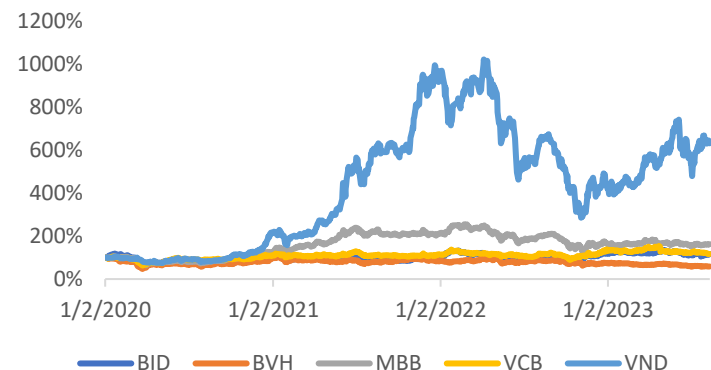


**20,0%**  
Môi giới chứng khoán

### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| BID             | 5          | 10         | 20         | 15         | 10         |
| BVH             | 35         | 30         | 20         | 10         | 10         |
| MBB             | 15         | 15         | 20         | 30         | 35         |
| VCB             | 35         | 30         | 20         | 10         | 10         |
| VND             | 10         | 15         | 20         | 35         | 40         |
|                 | <b>154</b> | <b>183</b> | <b>217</b> | <b>304</b> | <b>322</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BSS (NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN – THÉP)

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán & Thép, có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 22/12/2023):

| Danh mục | 0,1%          | -2,7%          | 44,4%      | 62,4%         |
|----------|---------------|----------------|------------|---------------|
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return | 3-year return |
| VN-Index | 0,1%          | -1,0%          | 9,8%       | -3,5%         |

### Cấu thành danh mục

| Mã CK | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | TB NIM 5 năm | TB CIR 5 năm | LLR     | NPL  | P/E   | P/B  |
|-------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|------|-------|------|
| BID   | 41,3%                     | 13,5%        | 0,6%         | 2,7%         | -33,9%       | -214,0% | 1,0% | 11,0x | 1,8x |
| CTG   | 26,9%                     | 13,9%        | 0,9%         | 2,7%         | -36,8%       | -222,0% | 1,0% | 7,4x  | 1,1x |
| HPG   | 19,4%                     | 26,0%        | 12,9%        | -            | -            | -       | -    | 5,0x  | 0,9x |
| SSI   | 17,9%                     | 14,9%        | 5,0%         | -            | -            | -       | -    | 7,7x  | 1,1x |
| VND   | 43,5%                     | 19,5%        | 5,4%         | -            | -            | -       | -    | 5,8x  | 1,0x |

### Cơ cấu DM theo ngành



40,0%  
Ngân hàng

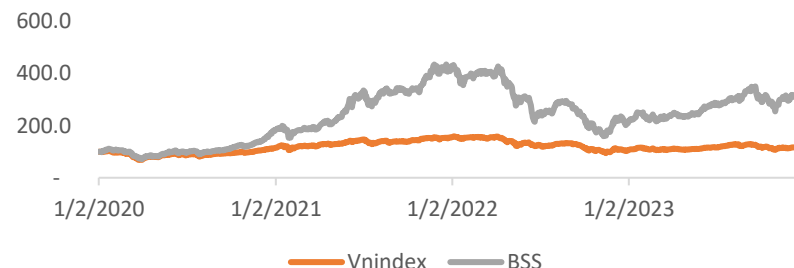


20,0%  
Thép và sản phẩm thép

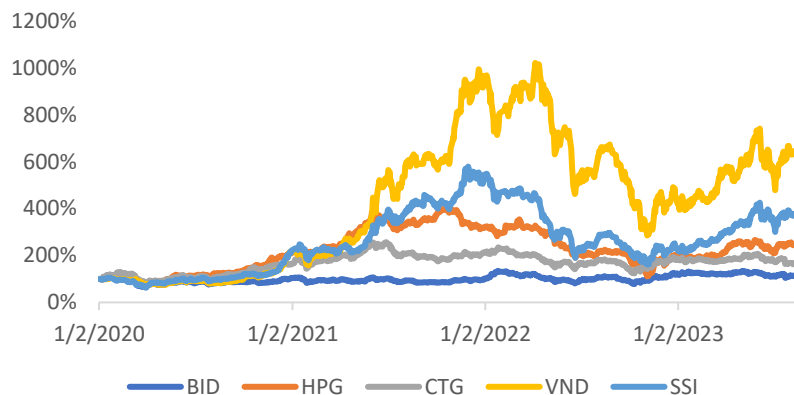


40,0%  
Môi giới chứng khoán

### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| BID             | 30         | 25         | 20         | 10         | 5          |
| HPG             | 35         | 25         | 20         | 10         | 10         |
| CTG             | 15         | 25         | 20         | 15         | 10         |
| VND             | 10         | 15         | 20         | 35         | 40         |
| SSI             | 10         | 10         | 20         | 30         | 35         |
|                 | <b>247</b> | <b>264</b> | <b>307</b> | <b>395</b> | <b>431</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM



## MBS RESEARCH UPDATES

| Mã  | Khuyến nghị | Giá mục tiêu | Link báo cáo         | Ngày báo cáo |
|-----|-------------|--------------|----------------------|--------------|
| PVT | MUA         | VND 30.100   | <a href="#">Link</a> | 29/11/2023   |
| VIB | NẮM GIỮ     | VND 20.100   | <a href="#">Link</a> | 27/11/2023   |
| PC1 | MUA         | VND 32.000   | <a href="#">Link</a> | 24/11/2023   |
| HDB | MUA         | VND 22.700   | <a href="#">Link</a> | 14/11/2023   |
| TCB | NẮM GIỮ     | VND 35.600   | <a href="#">Link</a> | 09/11/2023   |
| POW | MUA         | VND 13.700   | <a href="#">Link</a> | 08/11/2023   |
| PNJ | MUA         | VND 91.000   | <a href="#">Link</a> | 07/11/2023   |
| BSR | MUA         | VND 25.300   | <a href="#">Link</a> | 03/11/2023   |
| TPB | MUA         | VND 19.200   | <a href="#">Link</a> | 31/10/2023   |
| VPB | NẮM GIỮ     | VND 19.200   | <a href="#">Link</a> | 30/10/2023   |
| OCB | MUA         | VND 26.500   | <a href="#">Link</a> | 14/09/2023   |
| NKG | MUA         | VND 26.150   | <a href="#">Link</a> | 12/09/2023   |
| PHR | MUA         | VND 60.900   | <a href="#">Link</a> | 11/09/2023   |
| FRT | NẮM GIỮ     | VND 82.300   | <a href="#">Link</a> | 29/08/2023   |
| GAS | MUA         | VND 113.900  | <a href="#">Link</a> | 25/08/2023   |
| VPB | NẮM GIỮ     | VND 21.100   | <a href="#">Link</a> | 23/08/2023   |
| ACB | MUA         | VND 27.500   | <a href="#">Link</a> | 21/08/2023   |
| BCM | NẮM GIỮ     | VND 78.000   | <a href="#">Link</a> | 16/08/2023   |
| HPG | MUA         | VND 31.600   | <a href="#">Link</a> | 11/08/2023   |
| PVD | NẮM GIỮ     | VND 29.200   | <a href="#">Link</a> | 01/08/2023   |
| VNM | NẮM GIỮ     | VND 83.000   | <a href="#">Link</a> | 01/08/2023   |
| HDG | NẮM GIỮ     | VND 32.800   | <a href="#">Link</a> | 05/07/2023   |
| TCB | NẮM GIỮ     | VND 36.050   | <a href="#">Link</a> | 04/07/2023   |
| PVT | MUA         | VND 26.800   | <a href="#">Link</a> | 04/07/2023   |
| BID | NẮM GIỮ     | VND 49.150   | <a href="#">Link</a> | 29/06/2023   |
| KBC | MUA         | VND 31.300   | <a href="#">Link</a> | 19/06/2023   |

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2022 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.